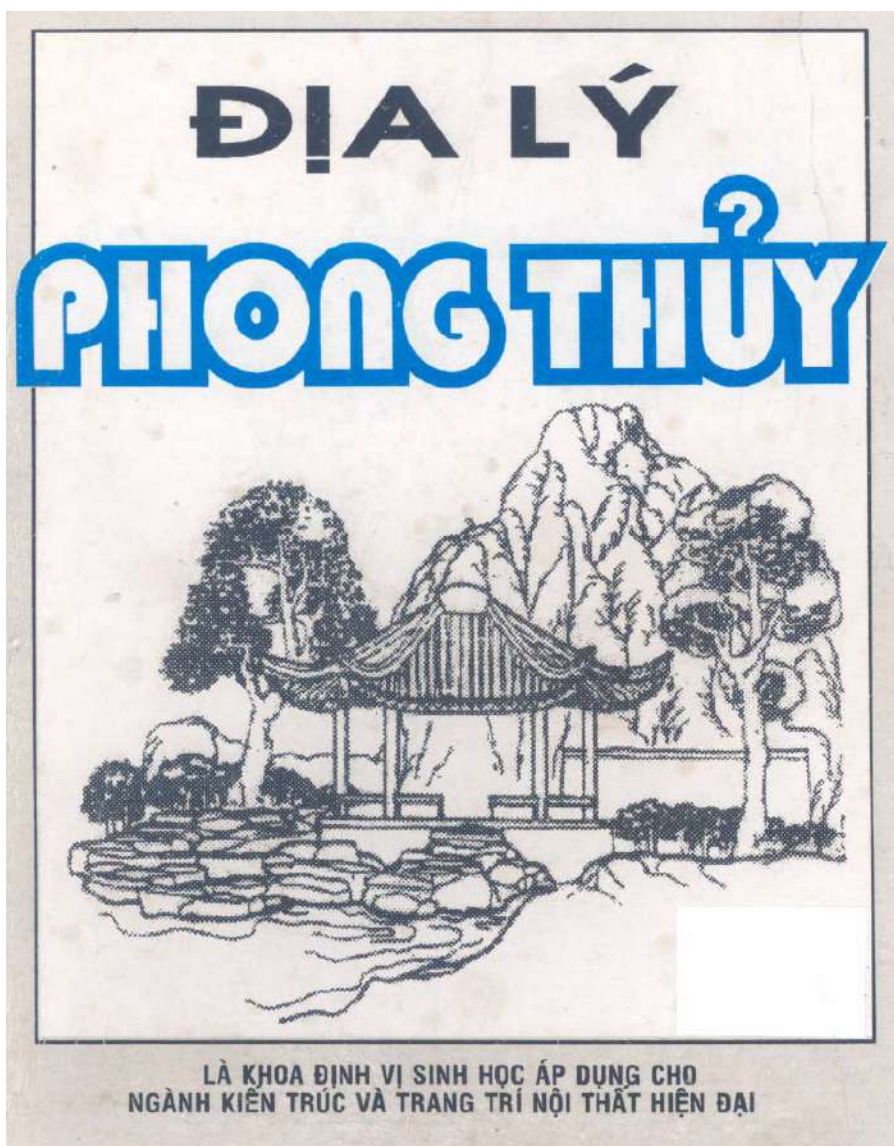


TRẦN VĂN HẢI  
TỦ SÁCH SINH HỌC NĂM 1992

**TẬP 10. THỰC HÀNH THUẬT PHONG  
THỦY. CHUYÊN ĐỀ CHO CHỦ NHÀ  
MẠNG KIỀN**



Chuyên Đề Mạng Kiến

**TRẦN VĂN HẢI**

NGUYÊN TRƯỞNG BAN SOẠN THẢO CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN  
KHOA ĐỊA LÝ PHONG THỦY VIỆT NAM QUỐC TỰ SÀI GÒN NĂM 1972

**THỰC HÀNH THUẬT  
PHONG THỦY  
CHUYÊN ĐỀ CHO CHỦ NHÀ MẠNG  
KIẾN**

Sách in từng tập bằng máy vi tính giá thành cao  
nên không bán chỉ làm quà tặng cho các thân hữu

1992

Chuyên Đề Mạng Kiến



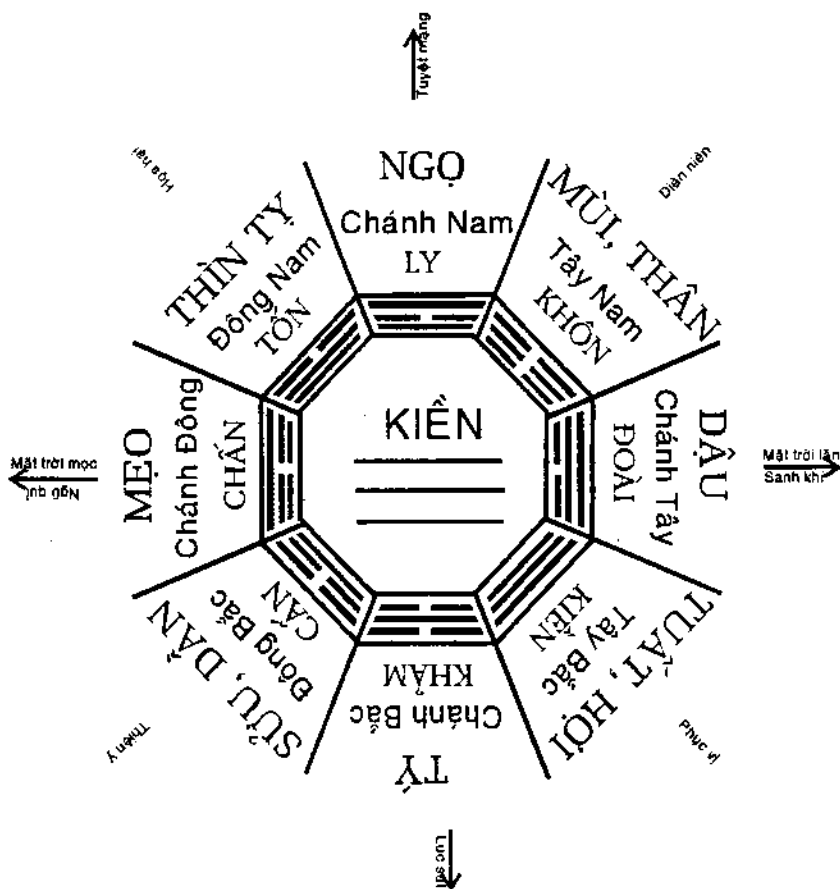
乾

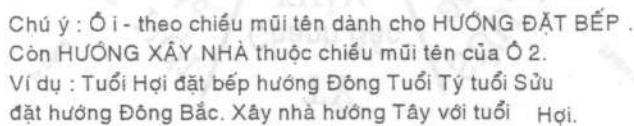
**KIÊN VI THIÊN**

**TRỜI**

CHUYÊN ĐỀ LÝ GIẢI CÁC SINH HOẠT  
TẠI NỘI THẤT CỦA CHỦ NHÀ MẠNG

# KIẾN





Chú ý : Ở i - theo chiều mũi tên dành cho HƯỚNG ĐẶT BẾP .  
Còn HƯỚNG XÂY NHÀ thuộc chiều mũi tên của Ở 2.  
Ví dụ : Tuổi Hợi đặt bếp hướng Đông Tuổi Tý tuổi Sửu  
đặt hướng Đông Bắc. Xây nhà hướng Tây với tuổi Hợi.

# BIỂU TƯỢNG VẠN VẬT SỞ THUỘC CUNG KIỀN

Những điều nói trong “Tượng loại vạn vật” là tượng vật của quẻ thuần Kiền. Nhiều người thắc mắc hỏi: khi quẻ thượng và quẻ hạ không giống nhau thì làm thế nào, làm sao? (Gặp trường hợp này phải xem quẻ trên là quẻ gì, quẻ dưới là quẻ gì, đoán việc gì, sau đó xem mỗi quẻ chủ tượng gì, như vậy là được. Ví dụ: đoán về ăn uống được quẻ “tụng” (䷌), quẻ Kiền của quẻ thượng trong tượng vật của thức ăn là vật gì, quẻ Khảm của quẻ hạ trong tượng vật của thức ăn là vật gì, như thế là trong bàn ăn có những món gì sẽ rất rõ ràng. Đối với quẻ hồ, quẻ biến cũng làm như vậy. Tượng quẻ khác cũng vậy. Trong việc nghiên cứu chuyên đề về Tượng Loại Vạn Vật, chúng ta cần lưu ý các điều sau đây:

- (1) Giao thời giữa tháng 9 và tháng 10 mùa thu, chuyển từ tháng, năm:

Tuất sang Hợi; giờ ngày tháng năm của ngũ kim nghĩa là tháng 9 là ất, tháng 10 là Hợi, quẻ Kiền chính ở ngôi này, cho nên thời gian ứng sự của quẻ này có thể đoán định vào các năm, tháng, ngày, giờ Tuất, Hợi. Giờ ngày tháng năm của ngũ kim là: “ngũ kim” và chỉ “kim” trong ngũ hành, tức thời gian ứng sự của quẻ Kiền, có thể đoán giờ ngày tháng năm kim: canh, tân, Thân, Dậu mà thành sự (các quẻ khác cách giải thích cũng như vậy).

(2) Ngòi hàng 1,4, 9: quẻ Kiển vượng tướng ở tháng một, tháng tư, tháng chín là kim, là chính ngôi của quẻ Kiển. Ngòi hàng 1,4, 9 tức người đó là con đầu (một) hoặc thứ tư, hoặc thứ 9. Các quẻ khác cách nói cũng như vậy.

(3) Số 1, 4, 9: có nghĩa là lệnh 9 của tháng giêng, tháng tư; hoặc số là 1, hoặc 4, hoặc 9 hoặc là 149: cụ thể là bao nhiêu phải tùy sự việc mà đoán. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự. (4) Tháng Thìn Tuất Sửu Mùi, giờ ngày tháng năm: Mùi, Thân: quẻ Khôn ngũ hành thuộc thổ, gặp tháng thổ: Thìn Tuất Sửu Mùi thì vượng. Thời gian ứng sự của nó có thể đoán vào tháng năm hoặc ngày giờ Thìn Tuất Sửu Mùi. Vị thần là phương vị của quẻ Khôn nên còn có thể đoán quẻ Khôn vào tháng năm hoặc ngày giờ Mùi, Thân. Các quẻ khác cách nói cũng tương tự. Dưới đây là các biểu tượng vạn vật thuộc cung Kiển được sắp xếp theo mẫu tự.

## **ĂN UỐNG**

[Ăn uống]: thịt ngựa quý ngon; nhiều xương; gan; phổi; thịt khô; trái cây; thủ của các loài vật; vật tròn; vật đắng cay.

## **BÁT MÔN TIỂU ĐỘN**

[Bát môn]: là Tám cung, tám cửa: Khảm; Cấn; Chấn; Tốn; Ly; Khôn; Đoài; Kiển; Hưu; Sanh; Thương; Đo; Kiển; Tử; Kinh; Khai.

Đối với cung Kiển thuộc Khai Môn sở thuộc sáu ngày: Bính Tý; Đinh Sửu; Mậu Dần; Canh Tý; Tân Sửu; Nhâm Dần

những ngày này nên xuất hành được bình yên, gặp nhiều sự may mắn tốt đẹp.

## **BỆNH TẬT**

[Bệnh tật]: bệnh ở đầu, mặt; bệnh phổi; bệnh gân cốt; bệnh ở thượng tiêu, mùa hạ không yên ổn.

## **BÓI KIỂU**

Trong phạm vi Bói Kiểu quẻ Kiển ứng về niên vận cả năm tốt hay xấu.

## **CẦU DANH**

[Cầu danh]: có danh; hợp với các chức nội nhiệm, quan tòa, võ chức, nắm quyền, thiên sứ, liên lạc; nhậm chức về hướng Tây Bắc.

## **CẦU TÀI**

[Cầu tài]: có cửa; lợi về vàng, ngọc; được cửa trong cơ quan; vào mùa thu rất lợi; mùa hạ tổn tài; mùa đông không được cửa.

## **CHỮ SỐ**

[Chữ số]: 1, 4, 9, (3)

## **CHỮ TÊN HỌ**

[Chữ tên họ]: người tên họ chữ kim ( ) bên cạnh; ngôi hàng 1, 4, 9, (2)

## **ĐỊA LÝ**

[Địa lý]: phương Tây Bắc; kinh đô; quân lớn; địa hình hiểm yếu hoặc danh lam thắng cảnh; vùng đất cao và khô.



## **ĐỘNG VẬT**

[Động vật]: ngựa; ngỗng (thiên nga); sư tử; voi.

## **GIAO DỊCH**

[Giao dịch]: hàng quý như: vàng, ngọc, châu báu; để thành công; vào mùa hạ không lợi.

## **HỘI KIẾN**

[Hội kiến]: lợi gặp được đại nhân; gặp người có đức; hợp với người chức cao sang; có thể gặp.

## **HÔN NHÂN**

[Hôn nhân]: người thân quyến của nhà quan; gia đình có danh tiếng; vào mùa thu sẽ kết quả; mùa đông, mùa hạ không lợi.

## **KIỆN TỤNG**

[Kiện tụng]: thế mạnh; có quý nhân phù trợ; vào mùa thu sẽ thắng; mùa hạ thất lý.

## **MƯU SỰ**

[Mưu sự]: thành công; có lợi trong việc công; có tiền trong hoạt động; mùa hạ thì không thành; mùa đông nhiều mưu; không được vừa ý.

## **NGŨ SẮC**

[Ngũ sắc]: màu đỏ mạnh, màu đen huyền.

## **NGŨ VỊ**

[Ngũ vị]: đắng, cay.

## **NHÀ CỬA**

[Nhà cửa]: nhà xí công cộng; lâu đài; nhà cao to; lầu; trạm; ở hướng Tây Bắc.

## **NHÀ Ở**

[Nhà ở]: chiếm được vào mùa thu thì hưng thịnh, mùa hạ có họa; mùa đông thì vắng lạnh; mùa xuân thì cát lợi.

## **NHÂN VẬT**

[Nhân vật]: vua, quân tử; cha; đại nhân; người già; bậc trưởng giả; quan; danh nhân; cán bộ.

## **PHẦN MỘ**

[Phần mộ]: hợp hướng Tây Bắc; hợp với mạch khí càn sơn; hợp với thiên huyệt; hợp với chỗ cao; mùa thu thì quý; mùa hạ hung dữ.

## **PHƯƠNG HƯỚNG**

[Phương hướng đi]: Tây Bắc.

## **TÍNH CÁCH**

[Tính cách]: cứng, mạnh, dũng võ; quả quyết hoạt động nhiều.

## **TÍNH VẬT**

[Tính vật]: vàng ngọc; châu báu; vật tròn; quả cây; vật cứng; mũ; kính.

## **THÂN THỂ**

[Thân thể]: đầu, xương, phổi.

## **THIÊN THỜI**

[Thiên thời]: trời, băng; (nước) đá; cục [nước] đá.

## **THỜI GIAN**

[Thời gian]: giao thời, giữa tháng chín và tháng mười; mùa thu; chuyển từ tháng hoặc năm Tuất sang Hợi; giờ, ngày, tháng, năm của ngũ kim.

## **XUẤT HÀNH**

[Xuất hành]: xuất hành lợi; hợp với người kinh sư; lợi đi về phía Tây Bắc; mùa hạ không lợi.

# VẬN MẠNG TRỌN ĐỜI CỦA CHỦ NHÀ MẠNG KIỂN

Bát Quái của Kinh Chu Dịch nếu đem so sánh với Hành Tinh trong Thái Dương Hệ ta sẽ thấy có sự tương đương về bản chất như

- \_ KIỂN tương đương với KIM TINH (Vénus) thuộc hành KIM
- \_ KHÂM \_\_\_\_\_ THỦY TINH (Mercure) \_\_\_\_\_ THỦY
- \_ CẤN \_\_\_\_\_ THỔ TINH (Saturne) \_\_\_\_\_ THỔ
- \_ CHẤN \_\_\_\_\_ MỘC TINH (Supiter) \_\_\_\_\_ MỘC
- \_ TỐN \_\_\_\_\_ HẢI VƯƠNG TINH (Neptune) \_\_\_\_\_ MỘC
- \_ LY \_\_\_\_\_ HỎA TINH (Mars) \_\_\_\_\_ HỎA
- \_ KHÔN \_\_\_\_\_ DIÊM VƯƠNG TINH (Puton) \_\_\_\_\_ THỔ
- \_ ĐOÀI \_\_\_\_\_ THIÊN VƯƠNG TINH (Uranus) \_\_\_\_\_ KIM

Theo tài liệu của KYSERLING NÉCIPHORE và TÀO TUYẾT LONG (để biết)

*Công danh Bản tánh và Nhân cách*

*Tình duyên Năng khiếu Tài lộc*

*Thân thể Sự nghiệp Thọ yếu*

*Cuộc đời Giàu sang Nghèo hèn*

Dưới đây chúng tôi sẽ giải thích rõ về đặc điểm và vận mạng của chủ nhà mạng KIỀN.

## **CHỦ NHÀ MẠNG KIỀN**

Tương Đương với KIM TINH (Vénus) thuộc hành KIM.

### **BẢN CHẤT**

Là con người bao giờ cũng tỏ ra cao thượng đối với mọi người, tánh rất tế nhị và khả ái, ăn nói đúng đắn, đàng hoàng, lúc nào cũng nghĩ đến gia đình hạnh phúc, đặt tất cả tâm hồn cũng như thể xác cho sự hòa hợp của hạnh phúc và gia đình được vui tươi. Không kể đến cá nhân. Rất chịu chuông gia đình hết mực lúc nào cũng muốn gánh vác hết trách nhiệm.

### **SỞ THÍCH**

Thích những cảnh vật thiên nhiên, yêu hoa quả, tánh hay trầm lặng, muốn gây được cảm tình với tất cả mọi người, có vẻ thẩm mỹ, ưa xa hoa lộng lẫy, hay thích nghe đàn ca xướng hát, là con người bao giờ cũng dễ mến. Là trai thì lại càng có nhiều tình cảm đặc biệt, biết tự trọng và dè dặt trong mọi công việc, thích sống gần gũi mọi người hơn là riêng rẽ một mình.

### **TÌNH DUYÊN**

Về vấn đề tình duyên có sự phân biệt không rõ rệt, không đặt vấn đề tình yêu là tình yêu, mà là một sự kết hợp giữa hai tâm hồn và muốn đi lần đến hạnh phúc hôn nhân. Lấy tình yêu làm căn bản cho sự xây dựng hạnh phúc hôn nhân, không bao giờ nghĩ gì lừa dối, phỉnh gạt người đã trao trọn tâm hồn cho mình. Là con người có nhiều xúc cảm và chứa đựng tình

thương yêu cao độ, nên không khi nào có ý nghĩ phản bội dù với tình thương yêu hay bạn bè cũng vậy.

Có thể kết hôn với người mạng Khôn hoặc cùng với mạng Kiến thì thích hợp nhất có thể ăn ở lâu bền, ngoài ra chỉ có tánh cách tạm thời.

## **CÔNG DANH**

Công-danh không lên cao, chỉ ở vào mức độ bình thường là con người có nhiều sáng kiến, có thể thành công trong mọi địa hạt có tánh cách nghề nghiệp như làm văn, làm báo, họa sĩ, nghệ sĩ v.v... Những việc này rất dễ thành công nếu có người nâng đỡ về nghề nghiệp. Tuy vậy công danh cũng có lúc có tăm tiếng lừng lẫy, trong một thời gian nếu là làm công việc rất mực trung thành và tạo nhiều uy-tính, tóm lại công danh chỉ ở mức độ trung bình.

## **SỰ NGHIỆP**

Sự nghiệp không có gì đáng nói là quan trọng trong cuộc đời, vì sự nghiệp đã dính liền với công danh, lên hoặc xuống là tùy theo khả năng hoạt động của mình, tuy nhiên sự nghiệp sẽ lên cao từ lúc hậu vận nghĩa là từ 50 tuổi trở đi.

## **TÀI LỘC**

Tiền bạc thì điều hòa, tiêu phí có chừng mực không tiêu hoang được nhiều kết quả về vấn đề tài lộc, nhưng không bao giờ thiếu kém hay thất bại đến kiệt quệ, làm việc gì cũng rất cẩn thận, đếm từng đồng, tiêu từng cắc, vấn đề này rất khắc khe và không bao giờ ham của hoạnh tài, làm bao nhiêu thì ăn bấy nhiêu, không ham rượu chè, bài bạc.

## **CUỘC ĐỜI**

Cuộc đời không được nhiều may mắn trong mọi lĩnh vực chỉ ở vào mức độ vào hạng trung có khi còn sút kém đến mức độ chót vót tính ít kỷ của mình. Sống chỉ lo cho cá nhân cho gia đình mà không bao giờ nghĩ đến những người chung quanh.

## **THỌ YẾU**

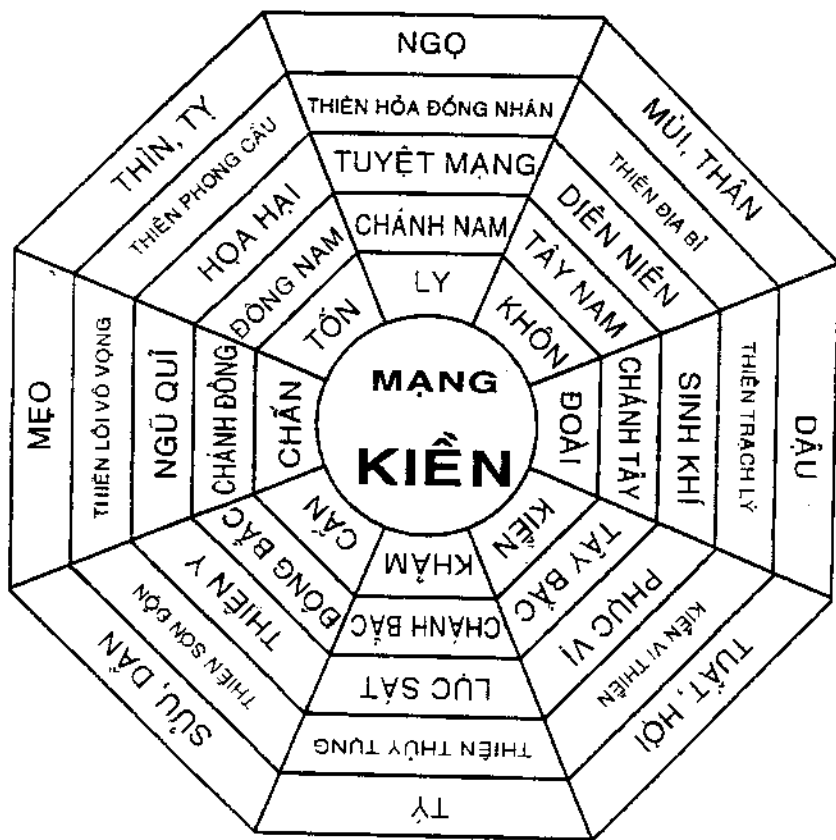
Số này khó thoát qua một cơn bệnh trầm trọng vào khoảng giữa cuộc đời, tuy vậy qua khỏi được và chỉ hưởng thọ sau đó ít lâu nữa, và chỉ sống được vào hai phần ba cuộc đời mà thôi.

## **Ý THƠ BỔ SUNG**

Cung Kiến số này thuộc Kim,  
Người có nghề nghiệp tinh chuyên đủ điều.  
Hưởng sanh cho thuận mới bền.  
Thiên-thời, Địa lợi, Nhơn hòa làm nên.  
Cửa cái Tây Bắc ngó ra,  
Bốn phương thuận tiện làm ăn vững bền.  
Số này sau có đất điền,  
Tha phương tự lập chẳng nhờ đệ huynh.  
Xét xem căn số nợ duyên.  
Trai thay đổi vợ, gái thì truan chuyên.  
Tuổi nhỏ đau ốm liên miên,  
Lầm lẩn tai ách tưởng chầu Diêm vương.  
Số này trường thọ sống lâu.  
Khi già con cháu phò quân linh đình.  
Có nhạc, trống, có Sư, Tăng,  
Tụng kinh phổ độ hồn về Tây phương.  
Tuổi Tuất, Hợi làm nhà trở cửa về hướng Tây Bắc, hay là  
hướng Đông Bắc cũng khá.



**BÁT QUÁI ĐỒ**  
**CỦA CHỦ NHÀ MANG KIỀN**



# **PHƯƠNG HƯỚNG XÂY NHÀ CỦA NGƯỜI MẠNG KIỀN**

## **CHỦ MẠNG KIỀN CHỌN HƯỚNG KIẾN (Tây Bắc) ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung mạng Phục Vị là quẻ Kiền Vĩ Thiên trong kinh chu Dịch. Chủ nhà được tiểu phú (khá giả), trung thọ, thứ cát.

## **CHỦ MẠNG KIỀN CHỌN HƯỚNG KHẨM (chánh Bắc) ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Lục Sát là quẻ Thiên Thủy Tụng trong kinh chu Dịch. Chủ nhà mang lời ăn tiếng nói, tiền bạc hao hụt, thất bại về việc trồng trọt, chăn nuôi thương nhân khẩu, thứ hung.

## **CHỦ MẠNG KIỀN CHỌN HƯỚNG CẤN (Đông Bắc) ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ.**

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Thiên Y là quẻ Thiên Sơn Độn trong kinh chu Dịch. Giàu sang tốt bất, tiền của chất đống, tiêu dùng không hết, trong nhà mọi người không bệnh tật, Thượng Cát.

**CHỦ MẠNG KIẾN CHỌN HƯỚNG CHẤN**  
(chánh Đông) ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ.

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Ngũ Quỷ là quẻ Thiên Lôi Vô Vong trong kinh chu Dịch. Chủ nhà bị khẩu thiệt, (mang lời ăn tiếng nói), tán tài (tiền bạc hao hụt) tổn thương nhân khẩu, hỏa tai Đại hung.

**CHỦ MẠNG KIẾN CHỌN HƯỚNG TỐN**  
(Đông Nam) ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ.

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Họa Hại là quẻ Thiên Phong Cáo trong kinh chu Dịch. Chủ nhà bị tán tài (tiền bạc hao hụt), thị phi (chê cười, khinh khi), kiện tụng, Thử hung.

**CHỦ MẠNG KIẾN CHỌN HƯỚNG LY**  
(chánh Nam) ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ.

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Tuyệt Mệnh là quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhân trong kinh chu Dịch. Gia đình bị nhiều bệnh tật, tiền bạc hao hụt, không sống lâu, Đại hung.

**CHỦ MẠNG KIẾN CHỌN HƯỚNG KHÔN**  
(Tây Nam) ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Diên Niên là quẻ Thiên Địa Bỉ trong kinh chu Dịch. Chủ nhà khá giả, sống lâu, nhiều con cái, Thử cát.

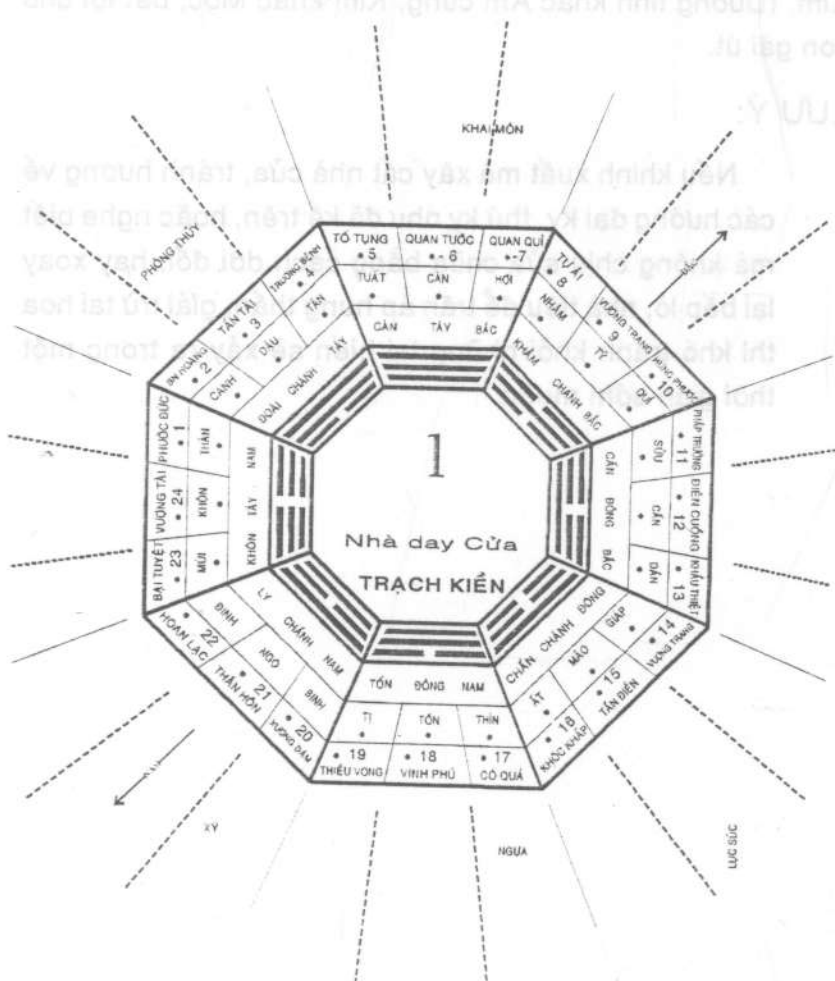
**CHỦ MẠNG KIẾN CHỌN HƯỚNG ĐOÀI**  
(chánh Tây) ĐỂ QUAN HỆ VỀ VIỆC XÂY NHÀ.

Theo bát quái đồ sở thuộc cung Sinh khí là quẻ Thiên Trạch Lý trong kinh chu Dịch. Theo lý thuyết hướng nhà này

là thượng Cát nhưng thực tế kị không nên sử dụng vì sanh khí thuộc sao Tham Lang, Dương Mộc, cung Đoài thuộc Âm Kim, (Dương tinh khắc Âm cung, Kim khắc Mộc, bất lợi cho con gái út.

**LƯU Ý:**

Nếu khinh xuất mà xây cất nhà cửa, tránh hướng về các hướng đại kỵ, thứ kỵ như đã kể trên, hoặc nghe biết mà không chịu sửa chữa bằng cách dời đổi, hay xoay lại bếp lò, nhà tiêu để trấn áp hung thần, giải trừ tai họa thì khó tránh khỏi những tai biến sẽ xảy ra trong một thời gian sớm muộn.



# chọn phương hướng trổ cửa **CỦA CHỦ NHÀ MẠNG KIỀN**

Kiến-trạch, gồm có 3 sơn: Tuất, Kiền, Hợi. Kiền-sơn đối Tốn hướng. Hợi-sơn đối Ty. Tuất-sơn đối (chiếu phối) Thìn.

Kiến-trạch này lợi về năm, tháng Mùi, Thân, Dậu. Mậu ở Sửu tương-ứng tại trạch đó. Bốn trạch ở phương Đoài, hết thảy những vị đó là thuộc cát tinh. Cấn-phương thì có tiểu-tì (vết hung nhỏ) không bằng Dậu-phương là tốt thứ nhất. Nếu Khâm phương bị Lục sát. Chấn phương phạm Ngũ quỷ. Tốn phương là Họa hại, Ly là Tuyệt mạng, tức Phá quân đều là phương bất lợi. Kiền trạch là chính Tốn hướng, không nên mở cửa ở chính giữa gian, nên mở ở giữa gian bên phải là Ty môn thì hợp. Ngọc trâm Kinh nói: Phúc đức môn, lại hợp Tây tứ trạch, nên mở cửa bên Bạch hổ là thượng hạng cát. Kiền Kim, Ty là Đại môn, lại mở cửa bên Ty phương, mở cửa ở bên Đoài phương ở Canh vị lại không phạm Tốn hướng là Sát diệu, là đệ nhất hạng! hoặc Đại môn tại Khôn, lấy Lão âm, Lão dương phối hợp, lại hợp Diên niên Vũ khúc. Kim tinh là tỷ hòa, tinh trợ bốn cung. Vậy hợp cục Thiên địa định vị. Lại thấy sách Diên văn có 1 chỗ nói: "Bất định Khôn môn"

nghĩa là: không mở cửa ở phương Khôn, đó là lấy lý có Tam bích tại Khôn, nó hợp khí lại có tì ô nhỏ vậy. Bất sợ hợp với Tứ bạch. Kiến là Lục bạch Kim tinh hợp được Thất xích tinh đến bốn cung là tọa vượng, Bát bạch thổ tại Đoài là sinh khí được thượng hạn cát. Nếu mở cửa ở Cấn phương là Thiên y cự môn thổ tinh. Thổ sinh Kiến kim là tinh sinh cung cũng là thượng hạn cát Trạch. Lấy 3 cái đó mà so sánh thì Khôn kỹ nên mở Đại môn ở Đoài mở cửa thứ 2, ở Cấn mở Tiểu môn (cửa nhỏ) là đủ cả tam cát môn.

# CỬA CÁI VÀ CHỖ ĐẶT BẾP LÒ

## QUAN HỆ VỚI

## CỦA CHỦ NHÀ MẠNG KIẾN

- Một ngôi nhà có 7 chỗ quan hệ tức là có ảnh hưởng tốt xấu: Cửa ngõ, cửa cái, cửa phòng, cửa bếp, chủ nhà hay sơn chú, bếp và hướng bếp.

- Trong 7 chỗ quan hệ có 3 chỗ chính yếu ảnh hưởng trọng đa để quyết định ngôi nhà tốt hay xấu. Còn 4 chỗ kia thuộc hàng thứ yếu (phụ thuộc), ảnh hưởng bình thường, chỉ có thể bớt tốt xấu mà thôi.

- Cửa cái là một nơi chính yếu, vì nó là lối đi vào nhà, nếu mở trúng tại cung tốt tức như người đi trúng vào chốn may mắn, bằng mở tại cung xấu tức như người đi vào chốn nguy hiểm, tối tăm, chông gai. Cửa cái là mẹ sanh ra các du niên cho chủ nhà, cho sơn chú và cho bếp. Vì vậy nên hễ chủ nhà, sơn chú và bếp thừa du niên tốt tức cửa cái tốt, vì mẹ tốt mới sanh ra các con tốt, bằng thừa du niên xấu tức cửa cái xấu, vì mẹ xấu mới sanh con xấu.

- Chủ nhà hay sơn chú đều là nơi chính yếu, trụ cột, chủ yếu, làm chủ toàn thể ngôi nhà cho nên gọi là chủ nhà, là sơn chú. Nếu nó được ở nhằm cung tốt và thừa du niên tốt hay Sao tốt là nhà ở thịnh vượng và yên lành. Bằng ở nhằm cung xấu và thừa du niên xấu hay Sao xấu là nhà ở suy vi, chẳng yên.



- Bếp là chỗ chính yếu vì nơi sinh dưỡng, nuôi sống con người, nếu được an trí nơi Cung tốt và thừa dư niên tốt thì sự sinh dưỡng mới đáng lợi ích, ít bệnh hoạn. Bằng an trí tại Cung xấu và thừa dư niên xấu khác nào sự sinh dưỡng bị đầu độc gây ra đủ các bệnh chứng cả tai họa. Trăm bệnh đa số do nơi ăn uống sinh ra.

Tóm lại: Ba chỗ chính yếu được đặt vào ba cung tốt là đối với nhau được tương sanh hay tỷ hòa và cung đều thừa cát dư niên hay cát tinh thì quyết định một ngôi nhà thịnh vượng. Bằng trái lại đặt trùng vào 3 cung xấu là đối với nhau tương khắc và đồng thừa hung dư niên hay hung tinh thì quyết định ngôi nhà suy bại.

Sự sai biệt trong 4 chỗ thứ yếu:

- Trong 4 chỗ thứ yếu thì hướng bếp có tầm quan trọng hơn cả, kế đó là cửa phòng và nhà bếp, sau hết là cửa ngõ. Người xưa không kể tới cửa ngõ, có lẽ vì nó không thuộc về ngôi nhà.

Phần này được nói gọn lại là cửa cái, chủ nhà và bếp. Cửa là chỉ nói cửa cái chứ không phải là cửa phòng hay cửa bếp. Chủ là nói chủ nhà ở tịnh Trạch, là nói sơn chủ ở Đông trạch và Biến hóa trạch. Bếp, là nói tại chỗ đặt lò hay cà ràng nấu ăn chứ chẳng luận tới Hướng mở cửa của cái bếp.

## **1- CHỦ NHÀ MẠNG KIỀN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG KIỀN (TÂY BẮC) PHỤC VÌ**

(Cửa cái tại Kiền, chủ nhà hay sơn chủ cũng tại Kiền)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Kiền Kiền thuần dương, thương

phụ nữ.

Ý nghĩa: Kiền gặp Kiền là thuận dương (2 cung đều thuộc dương) ắt gây tổn hại cho giới phụ nữ. Đó là vì dương nhiều tắt dương thịnh mà âm phái suy. Âm chỉ vào phụ nữ.

- Cửa Kiền Tây Bắc và chủ cũng Kiền thuộc về Tây tứ trạch. Từ cửa Kiền (Tây Bắc) biến 8 lần tới chủ Kiền tắt được Phục vị cho nên kiểu nhà này gọi là Phục vị trạch. (Phạm chủ thừa du niên nào thì lấy tên du niên ấy đặt tên cho trạch (nhà). Phục vị mọc làm Kiền kim tương khắc là thất vị: phẩm và lượng đều kém.

- Phục vị trạch, cửa Kiền (Tây Bắc) và chủ Kiền tỵ hòa cho nên: những năm đầu phát lên giàu sang, nhưng vì dương nhiều đắc thắng và lấn áp âm phái suy, ở lâu năm rồi giới phụ nữ chết yếu. Và vì thuận dương bất hóa như hai nam hơn ở chung nhau tới bao lâu cũng không sanh hóa chi được, ứng về sự cô quá, lẻ loi, không con nối dòng. Kết luận: Nhà này tốt ít, trước tạm hưng vượng mà sau suy bại.

Cửa Kiền (Tây Bắc) và chủ Kiền phối 8 chỗ đặt bếp.

### **1- Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc):**

Bếp Kiền (Tây Bắc) thuộc Tây trù hợp với Tây tứ trạch. Cửa Kiền (Tây Bắc) chủ Kiền lại bếp cũng Kiền, cả ba đều thuộc dương kim tỵ hòa sanh vượng khí ở chung trong một nhà, cái thể dương khí tiến lên rất mạnh cho nên lúc đầu phát phúc lộc mau lắm.

Nhưng hễ bạo phát bạo tàn, lại toàn là dương không sanh hóa ra được nữa cho nên tài lộc sẽ suy giảm mãi về sau không con cháu nối dòng, giới phụ nữ bất lợi, người vợ tai ương.

Lại luận rằng: cả 3 chỗ đều là Kiền hồ biến tất được 3 du niên Phục vị. Phục vị là trở lại ngôi cũ, là đứng dậm chân một chỗ. Phục vị thuộc nộc là du niên tốt ít lại bị Kiền (Tây Bắc) chọn ngôi nhà mạng Kiền tốt chẳng bao lâu rồi tới bất hạnh.

## **2- Bếp đặt tại Khảm (Chánh Bắc):**

Từ cửa Kiền (Tây Bắc) biến 1 lần tới Khảm thừa Lục sát cho nên gọi là bếp Lục sát. Khảm thủy đối với Kiền kim tương sinh nhưng chính thủy cũng làm tiết khí kim (là làm hao mất khí lục) cho nên lúc đầu cũng có tốt qua loa rồi sau hao tán tiền của đến mức sống cùng khổ. Lại thừa Lục sát thủy là du niên khiến cho trụy lạc, dâm dăng, cờ bạc... vợ con bị tổn thương, tuyệt tự, bệnh ho, khạc đàm.

*Kết luận: Bếp Khảm (Chánh Bắc) gây họa cho nhà mạng Kiền chẳng ít.*

## **3- Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc):**

Từ cửa Kiền (Tây Bắc) biến 6 lần tới Cấn được Thiên y cho nên gọi bếp Cấn (Đông Bắc) là bếp Thiên y. Thiên y thổ lâm Cấn cùng thổ là tỷ hòa đẳng diện. Bếp Cấn (Đông Bắc) hồ biến với chủ Kiền cũng lại được Thiên y.

Phàm bếp thừa Thiên y tốt nhất hạng, hưởng chi Thiên y đẳng diện, cho nên Du niên phú quý song toàn, sanh được 3 con, nhưng về sau lâu xa (đến đời cháu chắt) giới phụ nữ sẽ gặp điều tang thương và lại hiếm hoi con cái, cưới lấy thì thiệp nhiều lần, nuôi con người khác để thừa tự. Đó là do ba chỗ chính yếu Kiền Kiền Cấn thuần dương mà khuyết âm, sự hưng phát lúc đầu không kéo dài mãi được.

#### **4- Bếp đặt tại Chấn (Chánh Đông):**

Từ cửa Kiền (Tây Bắc) biến 2 lần tới Chấn tất phạm Ngũ quý cho nên gọi bếp Chấn (Chánh Đông) là bếp Ngũ quý. (Lại bếp Chấn (chánh Đông) hổ biến với chủ Kiền cũng tạo thành Ngũ quý). Bếp Ngũ quý hung hại bức nhút, gây loạn tới cùng. Bếp Chấn (chánh Đông) mộc đối với cửa Kiền (Tây Bắc) và chủ Kiền kim đều bị khắc, ở nhà này ắt lâm đến nguy hại: quý ma nhiều loạn, quan tụng lo buồn, khẩu thiệt thị phi làm nhiều điều bức bối, tiền tài rất hao tán mà người mang họa hại có thể mất mạng vì bọn trộm cướp. Chấn thuộc trường nam thừa Ngũ quý lại bị 2 Kiền khắc cho nên sự hung hại ứng vào hạng con trai cá, bất cứ ở thời gian hiện tại hay tới đời con, cháu, chít cũng vậy.

Những tai họa rất thường ứng vào số 4 hay số 5, vì chỗ khắc hại là Kiền kim thuộc số 4 và Ngũ quý thì ngũ là số 5. Ví dụ đến 4 năm hoặc trong tháng 5 hay ngày mùng 5 xảy ra tai họa, hoặc chịu tai họa trong 4 hay 5 ngày, trong 4 hay 5 tháng hoặc hao mất số tiền 4 trăm hay 5 ngàn, v.v..

#### **5- Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam):**

Từ cửa Kiền (Tây Bắc) biến 5 lần tới Tốn sanh Họa hại cho nên gọi là bếp Tốn (Đông Nam) là bếp Họa hại. Lại bếp hướng Tốn (Đông Nam) hổ biến với chủ Kiền cũng sanh Họa hại. Họa hại tức sao Lục tồn thổ sanh hai Kiền kim, du niên cũng có tốt chút ít, nhưng Họa hại là hung du niên và Tốn mộc là cung thừa nó bị 2 Kiền kim khắc cho nên tốt sơ sai chẳng được bao năm rồi nhà đến hồi suy vi. Tốn thuộc âm bị khắc ứng điềm phụ nữ bị đoán thọ, lưng mông đau nhức, tim bụng thọ thương.

*Kết luận: Bếp Tồn (Đông Nam) này cũng bất lợi như bếp Chấn (chánh Đông) trên nhưng Tồn thuộc âm khiến cho nhà khó bị cát hại thuần dương, xấu ít hơn.*

**6- Bếp đặt tại Ly (chánh Nam):**

Từ cửa Kiền (Tây Bắc) biến 7 lần tới Ly ngộ Tuyệt mạng cho nên gọi bếp Ly (chánh Nam) là bếp Tuyệt mạng. Bếp Ly (chánh Nam) hổ biến với chủ Kiền cũng thừa Tuyệt mạng. Như vậy là bếp Ly (chánh Nam) sanh ra tới 2 Tuyệt mạng ắt gây ra nhiều hung hại trong nhà và những sự việc có tánh đoạn tuyệt. Ly là âm hỏa khắc cả 2 dương kim tại cửa và chủ, như vậy âm hỏa là chỗ chính ứng, thế cho nên luận về nhân khẩu thì nhà này nhiều nữ mà ít nam, phụ nữ tánh khí cương cường, ở lâu chừng nào thì nhân khẩu và tiền tài càng suy kém, đến nỗi có nhiều người ở góa, không con thừa tự, người người thường mang bệnh nhức đầu, đau mắt và các chứng ghê độc (vì Ly hỏa thuộc về đầu về mắt).

**7- Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam):**

Từ cửa Kiền (Tây Bắc) biến 3 lần tới Khôn thừa Diên niên cho nên gọi bếp Khôn (Tây Nam) là bếp Diên niên. Bếp Khôn (Tây Nam) hổ biến với chủ Kiền cũng được Diên niên. Như vậy bếp Khôn (Tây Nam) tạo cho nhà này được 2 Diên niên là kiết du niên. Diên niên kim lâm Khôn thổ cương mạng đắc vị, lại Khôn thổ sanh cửa Kiền (Tây Bắc) và chủ Kiền, âm hiệp với dương, vợ chồng chánh phối, sanh được 4 con, phúc lộc thọ đều đủ cả. Bếp Diên niên này tốt hơn tất cả các bếp khác thuộc nhà mạng Kiền, đáng gọi là một cái bếp đại cát (tốt lành).

## **8- Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây):**

Từ cửa Kiền (Tây Bắc) biến 1 lần tới Đoài thừa Sinh khí cho nên gọi bếp Đoài (chánh Tây) là bếp Sinh khí. Bếp Đoài (chánh Tây) hỗ biến với chủ Kiền cũng được Sinh khí. Vậy bếp Đoài (chánh Tây) tạo ra hai Sinh khí cho nhà. Tuy Sinh khí mộc lâm Đoài kim thất vị nhưng vẫn là cát du niên bếp Đoài (chánh Tây) đối với 2 Kiền tý hào và có đủ âm dương cho nên sơ niên phát tài, phát lộc, nhân khẩu cũng nhiều, nhưng ở lâu năm rồi sẽ lần lần bớt phát đạt, cưới lấy thể thiếp nhiều lần rồi ra cũng nhiều người cô độc. Đó là bói Kiền Kiền Đoài kim quá nhiều, có tánh đoạn sát. Lại nhà phục vị, bếp Sinh khí toàn là du niên thuộc môn đồng bị 3 kim khắc hại, sự hưng thịnh đều được bền. Tuy vậy vẫn kể bếp Đoài (chánh Tây) này là một cái bếp tốt, vừa vừa.

*Kết luận: Tám hướng bếp trên đây, bếp nào cũng thuộc về chủ nhà mạng Kiền: Phục vị trạch, các kiểu bếp cũng không có điều gì quan trọng để luận bàn thêm, lẽ tất nhiên, gặp bếp xấu thì nhà thêm xấu, gặp bếp tốt cũng được sự tốt và bớt đều hung.*

## **2- CHỦ NHÀ MẠNG KIỀN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG KHẨM (CHÁNH BẮC) LỤC SÁT.**

(Cửa cái tại Khảm (chánh Bắc), chủ nhà hay sơn chủ tại Kiền).

-Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thủy tiết Kiền khí: dâm, bại, tuyệt. Ý nghĩa: Nước làm hao khí lục Kiền: dâm đang, bại hoại, tận tuyệt. Thủy là nước chỉ vào Khảm. Nước cháy làm mòn kim khí cho nên nói Khảm tiết khí Kiền và bín sinh Lục

sát là du niên có tánh cách dâm dăng, làm hư hại...

- Từ cửa Khám (chánh Bắc) biến 4 lần tới chủ Kiền phạm Lục sát cho nên gọi là Lục sát trạch. Khám Kiền gặp nhau thuận dương: Thiên môn lạc thủy xuất dâm cuồng. Đây là kiểu nhà tán tài, tuyệt tự, khắc vợ hại con. Tuy niên ở sơ niên cũng có lúc phát đạt nhưng chẳng qua mười năm rồi sa sút do các việc hư đồn như bài bạc, tẩu sắc... Phát đạt một lúc là do Kiền sanh Khám, nhưng không bền là bởi Khám tiết khí Kiền.

Cửa Khám (chánh Bắc) với chủ Kiền phối 8 chỗ đặt bếp:

**1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc):**

Bếp Kiền (Tây Bắc) kim đối với chủ Kiền là tỷ hòa Phục vị thất vị, tốt qua loa. Nhưng Kiền bị cửa Khám (chánh Bắc) tiết khí và là bếp Lục sát thuận dương khiến cho khắc vợ, tán tài, khuyết giảm nhân đinh.

**2) Bếp đại tại Khám (chánh Bắc):**

Bếp Khám tỷ hòa với cửa Khám (chánh Bắc) và là bếp Phục vị đắc vị tốt vừa vừa. Nhưng Khám tiết khí chủ Kiền và hổ biến Lục sát khiến cho tán tài, khắc vợ hại con, tuyệt tự.

**3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc):**

Bếp Cấn (Đông Bắc) đối với cửa Khám (chánh Bắc) là Ngũ quý đại hung, đối với chủ Kiền là Thiên y hữu khí rất tốt. Vây tốt xấu tương đương.

**4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông):**

Bếp Chấn (chánh đông) mộc với cửa Khám (chánh Bắc) là Thiên y đại cát, đối với chủ Kiền là Ngũ quý đại hung. Đại cát với đại hung tương đương.

**5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam):**

Bếp Tốn (Đông Nam) âm mộc đối với cửa Khảm (chánh Bắc) là âm dương tương sanh và là bếp Sinh khí đăng diện rất tốt, thứ nhứt là nhân đinh đại vượng, sanh kế dồi dào. Nhưng Tốn bị cửa Kiền khắc và hồ biến ra họa hại làm tổn thương hiền phụ cùng hiền nữ, tán tài và lao khổ.

**6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam):**

Bếp Ly (chánh Nam) hỏa đối với cửa Khảm (chánh Bắc) tuy tương khắc nhưng là bếp Diên niên khá tốt. Nhưng Ly với chủ Kiền tương khắc và hồ biến ra Tuyệt mạng đại hung khiến lão ông đoán thọ, khắc vợ.

**7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam):**

Bếp Khôn (Tây Nam) thổ khắc cửa Khảm (chánh Bắc) và là bếp Tuyệt mạng không tốt cho hàng trung nam. Nhưng khôn với chủ Kiền là âm dương tương sanh và hồ biến được Diên niên hữu khí rất tốt, thứ nhứt là cho giới phụ mẫu, lão ông, lão bà.

**8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây):**

Bếp Đoài (chánh Tây) kim tiết khí cửa Khảm (chánh Bắc) và là bếp họa hại nhưng Đoài với chủ Kiền tỷ hòa và hồ biến Sinh khí vô khí. Như vậy bếp này hung ít mà cát cũng ít, tương đương nhau.

*Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều luận theo chủ nhà mạng Kiền. Nhà cửa Khảm (chánh bắc) chủ Kiền là Đông Tây tương hỗn trạch cho nên bất cứ bếp nào cũng biến sinh một hung du niên và một cát du niên.*



*Các bếp Khảm Ly Chấn Tồn lợi cho cửa mà hại cho chủ, trái lại các bếp Kiền Khôn Cấn Đoài lợi chủ mà hại cửa.*

### **3- CHỦ NHÀ MẠNG KIỀN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG CẤN (ĐÔNG BẮC) THIÊN Y**

(Cửa cái tại Cấn (Đông Bắc), chủ nhà hay sơn chủ tại Kiền).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Sơn khố Thiên trung, tứ quý hiển. Ý nghĩa: Núi dựng trong trời: con sang hiển. Sơn chỉ về Cấn, Thiên chỉ về Kiền. Cửa tại Cấn, chủ tại Kiền là ngôi nhà sanh con sang trọng và hiển hậu.

- Từ cửa Cấn (Đông Bắc) biến 6 lần tới chủ Kiền được Thiên y cho nên gọi là Thiên y trạch. Thiên y thổ lâm Kiền kim tương sanh đắc vị, và cửa Cấn sanh chủ Kiền là ngoài sanh vào trong, tốt lắm. Trọn nhà hiền lương, ưa làm điều phước đức, sanh 3 con, phát đạt mau, tiền bạc nhiều, sang trọng chẳng ít, nam nhân sống lâu. Nhưng về sau lâu trở nên kém tốt, và vì Cấn phối Kiền thuần dương bất hòa, khắc hại vợ con, cô đơn, nuôi con khác họ.

Kiểu nhà này tốt bực thứ.

Cửa Cấn (Đông Bắc) với chủ Kiền phối 8 chỗ đặt bếp:

#### **1- Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc):**

Bếp Kiền (Tây Bắc) kim đối với cửa Cấn (Đông Bắc) tương sanh, đối với chủ Kiền tý hòa thuộc về cát tảo (bếp tốt). Nhưng Cấn Kiền Kiền là thuần dương mà thiếu âm, ba tượng đồng cư (ở chung) chẳng khỏi hiểm con đẻ thừa tự và khắc hại vợ.

**2- Bếp đặt tại Khảm (chánh Bắc):**

Cửa tại Cấn (Đông Bắc) thì bếp Khảm (chánh Bắc) thọ khắc và là bếp Ngũ quý khiến cho tiểu nhi chết yếu. Bếp Khảm (chánh Bắc) đối với chủ Kiến cũng không tốt vì hổ biến ra Lục sát.

**3- Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc):**

Bếp Cấn (Đông Bắc) đối với cửa Cấn (Đông Bắc) và chủ Kiến đều được tỷ hòa và tương sanh là bếp tốt, nhưng vì thuần dương (Cấn Kiến Cấn) tốt bậc thứ.

**4- Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông):**

Bếp Chấn (chánh Đông) đối với cửa Cấn (Đông Bắc) là bếp Lục sát, đối với chủ Kiến là phạm Ngũ quý, rất hung.

**5- Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam):**

Bếp Tốn (Đông Nam) mộc khắc cửa Cấn (Đông Bắc) rồi chủ Kiến khắc lại bếp Tốn (Đông Nam), toàn là tương khắc lại biến sinh Tuyệt mạng và Họa hại, toàn là hung du niên. Bếp này bất lợi, khiến cho nam nữ đều yếu vong.

**6- Bếp đặt tại Ly (chánh Nam):**

Bếp Ly (chánh Nam) tiết khí cửa Cấn (Đông Bắc) biến sinh Họa hại thuộc về bếp hung. Hung hại hơn nữa là bếp Ly (chánh Nam) hổ biến với chủ Kiến sinh ra Tuyệt mạng, khiến nên cô quẻ, tán tài và tuyệt tự.

**7- Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam):**

Bếp Khôn (Tây Nam) với cửa Cấn (Đông Bắc) tỷ hòa, với chủ Kiến tương sanh, biến sinh được Sinh khí và Diên niên

hiệp cùng Thiên y trạch thành nhà ba tốt. Đây là cái bếp đại cát, đại lợi.

#### **8- Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây):**

Bếp Đoài (chánh Tây) với cửa Cấn (Đông Bắc) tương sanh, với chủ Kiền tỵ hòa, biến sinh được Diên niên và Sinh khí hợp cùng Thiên y trạch thành nhà ba tốt, rất tốt.

*Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc chủ nhà mạng Kiền là Thiên y trạch. Tây tứ trạch cho nên Tây trù là các bếp Kiền Khôn Cấn Đoài đều tốt. Nhưng hai bếp Khôn Đoài tốt nhiều vì bếp âm phối với nhà thuần dương (có đủ âm dương) và bếp nào cũng biến sinh 2 cát du niên, còn hai bếp Cấn Kiền đều thuộc dương phối với nhà thuần dương thì cái lẽ dương quá nhiều mạnh tất âm phải suy đã thấy rõ ràng, dù bếp nào cũng biến sinh 2 cát du niên nhưng tốt ít. Duy Đông trù là các bếp Khảm Ly Chấn Tốn, bếp nào cũng biến sinh 2 hung du niên đều thuộc về hung tảo (bếp sanh ra hung hại).*

#### **4- CHỦ NHÀ MẠNG KIỀN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG CHẤN (CHÁNH ĐÔNG) NGŨ QUÝ**

(Cửa cái tại Chấn (chánh Đông), chủ nhà hay sơn chủ tại Kiền).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Long phi Thiên thượng, lão công ương. Ý nghĩa: Rồng bay trên Trời, lão ông tai ương. Long tức Thanh long thuộc dương mộc ám chỉ vào Chấn, vì Chấn cũng dương mộc. Thiên là Trời chỉ vào Kiền. Lão ông là

ông lão chỉ về bực ông, bực già, là cha.

- Theo phép Bát biến, từ cửa Chấn (chánh Đông) biến 2 lần tới chủ Kiền phạm Ngũ quý cho nên gọi là Ngũ quý trạch, là nhà sanh chứa rất nhiều tai họa và bệnh hoạn. Ngũ quý thuộc Hỏa lâm Kiền là cửa Trời, là lửa phạm cửa Trời tổn hại ông cha. Ở nhà này phải đoán thọ, tà ma nhập trạch sanh nhiều điều quý quái, bệnh hoạn đau đớn đến chết cách hung dữ, kiện tụng vì có án mạng (giết người, chết người), bị trộm cướp thị phi, khẩu thiệt, hại vợ khắc con, diên sản thối bại, cưới nhiều lần thê thiếp, cờ bạc, hút sách, dâm dăng, phóng túng tai nạn phóng cháy, mất tật, vì ghé độc hay sanh đẻ mà chết, lung mông, tim bụng đau nhức vô cùng... Thật là một cái nhà hung hại đáng sợ.

Cửa Chấn (chánh Đông) với chủ Kiền phối 8 chỗ đặt bếp;

### **1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc):**

Dương kim đối với chủ Kiền là Phục vị thất vị, tốt chẳng được bao nhiêu. Nhưng Kiền khắc cửa Chấn (chánh Đông) và là bếp Ngũ quý đại hung. Ngũ quý hỏa lâm Kiền khắc Kiền là cung tinh tương khắc, lại Chấn Kiền Kiền là ba dương khuyết âm. Kim mộc hình chiến, nam nữ đoán thọ, trăm sự việc đều bất lợi. Nhà Ngũ quý lại bếp Ngũ quý, người không kham nổi tai họa.

**2) Bếp đặt tại Khảm (chánh Bắc):** dương thủy sanh cửa Chấn (chánh Đông) và là bếp Thiên y thất vị tốt chẳng được bao nhiêu. Nhưng Khảm bị chủ Kiền tiết khí và hổ biến Lục sát, lại Chấn Kiền Khảm thuần dương thiếu âm, khắc hại vợ con, dâm loạn, bài bạc, tán tài, niếm con thừa tự.

**3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc):** dương thổ bị cửa Chấn (chánh Đông) khắc y và là bếp Lục sát, thuần dương, thiếu con nối dòng, khắc hại vợ con, bệnh da vàng, phù thũng, phong tật. Nhưng Chấn sinh chủ Kiền và hồ biến được Thiên y hữu khí có thể làm giảm sự tai hại của Lục sát.

**4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông):** dương mộc tỵ hòa với cửa Chấn (chánh Đông) và là bếp Phục vị đẳng diện khá tốt. Nhưng Chấn với chủ Kiền tương khắc và hồ biến ra Ngũ quý đại hại. Bếp này hưng nhiều hơn cát.

**5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam):** âm mộc đối với cửa Chấn (chánh Đông) là âm dương tỵ hòa và là bếp Diên niên tuy thất vị cũng khá tốt. Nhưng Tốn bị chủ Kiền khắc và hồ sinh ra Hỏa hại, khiến phụ nữ yếu thọ, gân xương đau nhức, sanh đẻ chết.

**6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam):** âm hỏa đối với cửa Chấn (chánh Đông) là âm dương tương sanh và là bếp Sinh khí đắc vị, cũng gọi là rồng xanh vào nhà, phát tài, sấm của quý giá, rất tốt. Nhưng Ly khắc chủ Kiền cũng có lắm điều bất lợi: nam nữ đoản thọ, tai nạn về lửa, mắt tật, đầu tối tăm, ghé độc, ho hen khạc đàm, lao tổn.

**7) Bếp đặt tại Khôn Tây Nam):** âm thổ bị cửa Chấn (chánh Đông) khắc và là bếp Hỏa hại, mẹ già lìa cha, phụ nữ bất lợi, bệnh da vàng, phù thũng, tim đau, tỵ vị thọ bệnh. Nhưng Khôn với chủ Kiền tỵ hòa và hồ biến Diên niên hữu khí rất tốt, tài vượng mà nhân dinh cũng vượng.

**8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây):**

Âm kim khắc cửa Chấn (chánh Đông) và là Tuyệt mạng

táo, tiểu nhi khó nuôi dưỡng, gáo búa, nuôi con họ khác, hay bị tái bệnh. Nhưng Đoài với chủ Kiền tỵ hòa và hổ biến được Sinh khí mộc tuy vô khí cũng được may về tiền bạc và công danh.

*Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc chủ nhà mạng Kiền, Ngũ quý trạch. Cửa Chấn (chánh Đông) ở phía Đông, chủ Kiền ở phía Tây, Đông Tây lẫn lộn cho nên gọi nhà này là Đông Tây tương hỗn trạch. Vì vậy bếp nào cũng không trọn tốt hay trọn xấu, hễ lợi cửa thì hại chủ, bằng lợi chủ thì hại cửa.*

## **5- CHỦ NHÀ MẠNG KIỀN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG TỐN (ĐÔNG NAM) HỌA HẠI**

(Cửa cái tại Tồn (Đông Nam) chủ nhà hay sơn chủ tại Kiền)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Phong Thiên đông thông, sát trưởng phụ. Ý nghĩa: Gió Trời đau nhức, chết phụ nữ lớn. Phong là gió chỉ vào Tồn, Thiên là Trời chỉ vào Kiền. Tồn thuộc trướng nữ bị Kiền khắc nên nói là sát trưởng phụ, đàn bà lớn bị sát hại. Nhà có cửa Tồn (Đông Nam) với chủ Kiền hay sanh bệnh đau nhức và làm hại phụ nữ lớn.

- Từ cửa Tồn (Đông Nam) biến 5 lần tới chủ Kiền phạm Hỏa hại cho nên gọi là Hỏa hại trạch. Kiền khắc Tồn là dương kim khắc mộc, dương thắng âm suy, phụ nữ đoán thọ, sanh đẻ chết, tật mắt, lưng mông tim bụng đau nhức. Tuy nhiên lúc sơ niên (độ 10 năm đầu trở lại) cũng đặng phát tài, phát nhân đinh (thêm người) và phát công danh nhỏ. Đó Tồn âm mộc là cây gỗ còn nguyên gập Kiền dương kim là búa dao rần bén đẽo chuốt thành quý khí (như tú, bàn, ghế...) Nếu ngôi nhà

này là Đông trạch mà cửa cái tại Tốn (Đông Nam) hướng và chủ nhà tại Kiên thì nên dùng ngăn 2 làm phòng chủ để được Vũ khúc kim tinh đẳng diện có thể đại phát phú quý tới 30 năm.

Cửa Tốn (Đông Nam) với chủ kiên phối 8 chỗ đặt bếp

**1) Bếp đặt tại Kiên (Tây Bắc):**

Dương-kim cũng như Chủ Kiên khắc cửa Tốn Đông Nam thuộc âm rất bất lợi cho giới phụ nữ Còn Kiên với chủ Kiên tỷ hòa. Phục vi mộc vô khí, không chắc có lợi.

**2) Bếp đặt tại Khảm (chánh Bắc)**

Dương-thủy với chủ kiên tuy Hổ biến Lục sát mà tương sanh, sự hại không nhiều. Còn thám đối với cửa tốn (Đông Nam) âm dương chính phối và là bếp sinh khí mộc đặc vị, nhân đình thịnh vượng mà ít phát tài.

**3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc)**

Dương Thổ bị cửa Tốn (Đông Bắc) khắc và là bếp tuyệt mệnh, sinh ra các vụ góa-bụa, phong tật, thiếu con thừa tự. Nhưng Cấn với chủ Kiên tương sanh, hổ biến Thiên y hữu khí, khiến cho gia đạo thuận hòa, cha con hiệp đạo, nhà hay làm phúc.

**4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông)**

Dương mộc đối với cửa Tốn (Đông Nam) tỷ hòa và là bếp Diên niên tuy thất vị vẫn tốt. Nhưng Chấn với chủ Kiên tương khắc và phạm Ngũ quý đại hung, rất bất lợi. Bếp này hung nhiều hơn cát.

### **5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam)**

Âm mộc đối với cửa Tốn (Đông Nam) tý hòa là bếp Phục vị đăng diện khá lợi về sinh kế. Nhưng Tốn bị chú Kiển khắc và hổ biến ra Hỏa hại khiến cho âm nhân đoán thọ, tim mông đau nhức.

### **6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam)**

Âm hỏa đối với cửa Tốn (Đông Nam) tương sanh, đối với chú Kiển tương khắc, hung cát tương đương.

### **7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam)**

Âm thổ với chú Kiển tương sanh và hổ biến được Diên niên hữu khí rất tốt. Nhưng Khôn đối với cửa Tốn (Đông Nam) tương khắc và là bếp Ngũ quý xuyên cung rất hung. Rất tốt và rất hung tương đương, nhưng cái hung của Ngũ quý do chính biến nặng hơn cái tốt của Diên niên do hổ biến. Ngũ quý lâm Khôn thọ khắc (bị Tốn khắc) hại phụ nữ đoán thọ, sanh các chứng bệnh tý vị, vàng da, phù thũng (sung).

### **8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây)**

Âm kim đối với cửa Tốn (Đông Nam) tương khắc, đối với chú Kiển tý hòa, biến sinh Sinh khí và Lục sát, cát hung bằng nhau.

*Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc chủ nhà mạng Kiển Hỏa hại trạch. Cửa Tốn Đông Nam đông trạch gặp chú Kiển Tây trạch ngôi nhà này là Đông Tây tương hỗn trạch, không có bếp nào trọn cát hay trọn hung. Bối Đông trù thì lợi cho cửa mà hại chủ, bằng Tây trù lợi cho chủ mà hại cửa.*



## **6- CHỦ NHÀ MẠNG KIỀN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG LY (CHÁNH NAM) TUYỆT MẠNG**

(Cửa cái tại Ly (chánh Nam), chủ nhà hay sơn chủ tại Kiền)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Ly Kiền lão công chủ bất cứu. Ý nghĩa: cửa Ly (chánh Nam) với chủ Kiền, cha già ứng chắng lâu dài. Kiền thuộc bậc ông cha, nay Kiền kim bị Ly hỏa khắc lại chính biến Tuyệt mạng nên mới nói hàng ông cha chắng lâu tức là chắng thêm dài mạng sống.

- Từ cửa Ly (chánh Nam) biến 7 lần tới chủ Kiền tất phạm Tuyệt mạng cho nên gọi là Tuyệt mạng trạch, ngôi nhà tán tài, thiếu con thừa tự, phụ nữ chuyên quyền, âm thắng dương suy, số người nhiều nữ ít nam, chết yếu, tật mắt, đầu đau nhức, mang ghé độc, và những chứng bệnh ho hỏa khí xông lên.

Cửa Ly (chánh Nam) với chủ Kiền phối 8 chỗ đặt bếp

### **1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc):**

Bếp Kiền (Tây Bắc) kim bị cửa Ly (chánh Nam) khắc thành bếp Tuyệt mạng. Nhà Tuyệt mạng lại bếp Tuyệt mạng nửa thì đầu tốt lên nổi. Còn như cửa Kiền (Tây Bắc) với chủ Kiền tuy tỵ hòa nhưng hổ biến Phục vị vô khí là vô ích.

### **2) Bếp đặt tại Khảm (chánh Bắc):**

Bếp Khảm (chánh Bắc) thủy đối với cửa Ly (chánh Nam) tuy tương khắc nhưng âm dương chính phối và là bếp Diên niên, tốt. Nhưng Khảm với chủ Kiền tuy tương sanh nhưng là thoát khí và hổ biến Lục sát, hung. Bếp này hung cát tương đương.

**3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc):**

Bếp Cấn dương thổ bị cửa Ly (chánh Nam) tiết khí và là bếp Hỏa hại. Nhưng Cấn với chủ Kiển tuy thuận dương nhưng tương sanh và hỗ biến được Thiên y hữu khí. Bếp này hung cát tương đương.

**4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông):**

Bếp Chấn (chánh Đông) dương mộc đối với cửa Ly (chánh Nam) âm hỏa là âm dương tương sanh lại là bếp Sinh khí đẳng diện. Nhưng Chấn với chủ Kiển tương khắc và phạm Ngũ quý. Một bên rất tốt và một bên rất tương đương tuy nhiên cũng nên tránh Ngũ Quý vì nó hại nam nhân yếu vong.

**5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam):**

Bếp Tốn (Đông Nam) âm mộc đối với cửa Ly (chánh Nam) tuy thuận âm nhưng là bếp Thiên y thất vị. Còn Tốn với chủ Kiển tương khắc và hỗ biến Hỏa hại. Bếp này hung nhiều hơn cát.

**6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam):**

Bếp Ly (chánh Nam) tý hòa và là bếp Phục vị đắc vị, tốt tâm thường. Nhưng Ly với Kiển tương khắc và hỗ biến Tuyệt mạng gây tổn hại đến nhân mạng, mọi việc không hay.

**7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam):**

Bếp Khôn (Tây Nam) thổ đối với cửa Ly (chánh Nam) là bếp Lục sát, tuy tiết khí cũng là tương sanh. Còn Khôn sanh chủ Kiển và hỗ biến được Diên niên hữu khí. Bếp này cát nhiều hơn hung, một hướng bếp bình yên.

**8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây):**

Bếp Đoài (chánh Tây) kim đối với chủ Kiền là sinh khí thất vị tốt vừa vừa. Nhưng Đoài với cửa Ly (chánh Nam) tương khắc và là bếp Ngũ quý đại hung khiến cho tán tài, đại bại.

*Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều được luận theo chủ nhà mạng Kiền. Ngôi nhà này cửa Ly (chánh Nam) thuộc Đông mà chủ Kiền thuộc Tây tương hỗn trạch cho nên bếp nào cũng có một bên lợi một bên hại. Đông trù lợi cho cửa Ly (chánh Nam) hại chủ Kiền. Tây trù lợi chủ Kiền mà hại cửa Ly (chánh Nam).*

## **7- CHỦ NHÀ MẠNG KIỀN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG KHÔN (TÂY NAM) DIỄN NIÊN**

(Cửa cái tại Khôn (Tây Nam), chủ nhà hay sơn chủ tại Đoài).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Địa khởi Thiên môn phú quý, xương. Ý nghĩa: Địa tức đất chỉ vào Khôn (Khôn vi địa), Thiên môn là cửa Trời chỉ vào Kiền (Kiền vi thiên). Phú quý là giàu có và danh vọng. Cương là thịnh vượng và tươi đẹp.

- Từ cửa Khôn (Tây Nam) biến 3 lần tới cú Kiền được Diễn niên cho nên gọi là Diễn niên trạch. Diễn niên kim lâm Kiền kim tý hòa đẳng diện, nhà này nam nữ đều trường thọ, chồng vợ thuận thảo, nhi mãi đầy nhà, con cháu hiếu hạnh và hiền lương. Giàu có là bậc nhứt, sang trọng là bậc nhì, vẻ vang thịnh tốt là bậc ba (phú, quý, xương). Thật là một ngôi nhà tận thiện, tận mỹ. Ngoài ra còn được cửa Khôn (Tây Nam) sanh chủ Kiền là ngoài sanh vào trong: phát giàu sang mau lẹ, thường được hoạnh tài, mưu tính sự việc chi cũng đều thành tựu.

Cửa Khôn (Tây Nam) với chủ Kiền phối 8 chỗ đặt bếp.

**1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc):**

Bếp Kiền (Tây Bắc) đối với cửa Khôn (Tây Nam) tương sanh, đối với chủ Kiền tỷ hào đều là cách hay. Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Kiền (Tây Bắc) là bếp Diên niên. Nhà Diên niên lại được bếp cũng Diên niên đồng đẳng diện . sự phú quý, vinh hoa ắt phải gia tăng.

**2) Bếp đặt tại Khảm (chánh Bắc):**

Cửa tại Khôn (Tây Nam) mà bếp tại Khảm (chánh Bắc) là tương khắc và là bếp Tuyệt mạng. Bếp Khảm (chánh Bắc) hỗ biến với chủ Kiền sanh ra Lục sát. Tuyệt mạng và Lục sát do bếp tạo ra làm suy giảm Diên niên trạch.

**3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc):**

Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Cấn (Đông Bắc) tỷ hòa và là bếp Sinh khí. Đối với chủ Kiền thì bếp Cấn (Đông Nam) được Thiên y. Nói chung nhà Diên niên có thêm Sinh khí và Thiên y là nhà ba tốt, phúc hạnh mọi điều, thế lực to rộng lắm.

**4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông):**

Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Chấn (chánh Đông) tương khắc và là bếp Họa hại. Bếp Chấn (chánh Đông) hỗ biến với chủ Kiền cũng tương khắc và sanh ra Ngũ quý. Đó là một cái bếp đại hung, Diên niên trạch không đủ sức giải tỏa những sự việc tai hại của nó.

**5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam):**

Bếp Tốn (Đông Nam) khắc cửa Khôn (Tây Bắc) và là bếp

Ngũ quý rất hung tợn. Bếp tợn (Đông Nam) đối với chủ Kiền cũng tương khắc và hồ biến sanh ra Họa hại. Bếp tợn (Đông Nam) này còn xấu hơn bếp Chấn (chánh Đông) trên một phần. Vì sao? Vì bếp Chấn (chánh Đông) chính là bếp Họa hại, còn bếp Tợn (Đông Nam) chính là bếp Ngũ quý. Ngũ quý hung dữ hơn Họa hại.

**6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam):**

Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Ly (chánh Nam) là bếp Lục sát. Lại bếp Ly (chánh Nam) hồ biến với chủ Kiền sanh ra Tuyệt mạng. Lục sát và Tuyệt mạng phá mất 90 phần trăm sự tốt của Diên niên trạch.

**7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam):**

Bếp Khôn (Tây Nam) với cửa Khôn (Tây Nam) tỷ hòa và cùng đối với chủ Kiền đều tương sanh và biến sanh hai Diên niên hữu khí. Cá thảy đều hiệp với Tây tứ trạch là ngôi nhà này, cũng ở lâu bếp đem thịnh vượng, tài, danh, lợi, lộc... đều tấn phát.

**8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây):**

Cửa tại Khôn (Tây Nam) thì bếp Đoài (chánh Tây) tương sanh và là bếp Thiên y đắc vị, phước thần đương thời. Lại bếp Đoài (chánh Tây) với chủ Kiền tỷ hòa và hồ biến được Sinh khí. Như vậy là Diên niên nhờ bếp này mà có thêm Sinh khí, Thiên y cho nên được gọi là nhà ba tốt, ở càng lâu càng phát đạt.

(Đoạn này luận riêng cho 4 bếp không tốt là Khảm Ly Chấn Tốn: sự hung hại của bếp Ly (chánh Nam) và bếp Khảm (chánh Bắc) tương đương nhau, của bếp Chấn (chánh Đông) và bếp Tốn (Đông Nam) tương đương nhau. Nhưng hai bếp Chấn Tốn nguy-hại nặng hơn và cả hai đều có Ngũ quý đối với cửa chủ đều tương khắc. Còn hai bếp Khảm (chánh Bắc) Ly (chánh Nam) nguy hại nhẹ hơn vì cả hai không biến sanh Ngũ quý và bếp nào cũng có một chỗ tương sanh).

*Kết luận: Tám hướng bếp trên đây, bếp nào cũng thuộc về chủ nhà mạng Kiền. Đại khái 4 bếp Kiền, Khôn, Cấn, Đoài đều tốt, thêm tốt cho nhà, còn 4 bếp Khảm, Ly, Chấn, Tốn đều không hay, làm bớt tốt cho nhà.*

## **8- CHỦ NHÀ MẠNG KIỀN MỞ CỬA CÁI HƯỚNG ĐOÀI (CHÁNH TÂY) SANH KHÍ**

(Cửa cái tại Đoài (chánh Tây), chủ nhà hay sơn chủ tại Kiền).

-Lời tượng ứng về ngôi nhà: Trạch Thiên, quá mẫu chương tài nguyên. Ý nghĩa: Trạch chỉ vào Đoài (Đoài vi trạch). Thiên chỉ vào Kiền (Kiền vi thiên). Quá mẫu chương tài nguyên là mẹ góa nắm nguồn tiền bạc. Đoài phối với Kiền là tượng gái nhỏ lấy ông già. Già chết trước gái nhỏ thành mẹ góa cai quản gia tài, ý nghĩa như vậy.

Theo phép Bát biến thì từ cửa Đoài (chánh Tây) biến 1 lần tới chủ Kiền tất được Sinh khí cho nên gọi là Sinh khí trạch. Đoài và Kiền là hai kim tỷ hòa có đủ âm dương và chính biến Sinh khí là kiểu nhà tốt, tiền sản tiền thêm, số người ở càng đông. Nhưng về sau lâu không còn tốt nữa, thế thiếp cưới

nhiều lần, làm người ở góa. Đó là bởi Sinh khí mộc lâm Kiền kim thất vị, lại không hiệp với tây tứ trạch là ngôi nhà này. Và do Đoài phối Kiền là thiếu nữ với lão ông có sự chênh lệch ắt sanh điều bất lợi về sau.

Cửa Đoài (chánh Tây) với chủ Kiền phối 8 chỗ đặt bếp.

**1) Bếp đặt tại Kiền (Tây Bắc):**

Bếp Kiền (Tây Bắc) kim đối với cửa Đoài (chánh Tây) tỷ hòa và chính biến Sinh khí, đối với chủ Kiền cũng tỷ hòa Phục vị, thuộc về cát tảo (bếp tốt).

**2) Bếp đặt tại Khảm (chánh Bắc):**

Bếp Khảm (chánh Bắc) làm tiết khí cá cửa Đoài (chánh Tây) và chủ Kiền biến sinh hai du niên Họa hại và Lục sát thuộc về hung tảo (bếp hung hại). Nó khiến cho hao tán tiền của và nam nữ chết sớm.

**3) Bếp đặt tại Cấn (Đông Bắc):**

Bếp Cấn (Đông Bắc) thổ đối với cửa Đoài (chánh Tây) tương sanh và là bếp Diên niên đắc vị, đối với chủ Kiền cũng tương sanh và hỗ biến Thiên y. Đây là một hướng bếp đại lợi hiệp với Sinh khí trạch thành nhà ba tốt, rất tốt.

**4) Bếp đặt tại Chấn (chánh Đông):**

Chấn mộc bị Đoài Kiền khắc lại biến sinh Tuyệt mạng và Ngũ quý, rất xấu. Chết yếu và ở góa là tại bếp Chấn (chánh Đông) này.

**5) Bếp đặt tại Tốn (Đông Nam):**

Bếp Tốn (Đông Nam) mộc đồng bị cửa Đoài (chánh Tây) và chủ Kiền khắc, biến sinh Lục sát và Họa hại, khiến hàng

phụ nữ chết sớm, rất bất lợi cho trưởng phụ (đàn bà lớn) và trưởng nam.

**6) Bếp đặt tại Ly (chánh Nam):**

Bếp Ly (chánh Nam) thuộc hóa khắc cá Đoài Kiền, biến sinh Ngũ quỷ và Tuyệt mạng là hướng bếp đại hung.

**7) Bếp đặt tại Khôn (Tây Nam):**

Bếp Khôn (Tây Nam) thuộc thổ sinh cửa Đoài (chánh Tây) và chủ Kiền, biến sinh Thiên y đẳng diện và Diên niên hữu khí, là một hướng bếp đại lợi.

**8) Bếp đặt tại Đoài (chánh Tây):**

Bếp Đoài (chánh Tây) thuộc kim đối với cửa Đoài (chánh Tây) và chủ Kiền đều tý hòa, biến sinh Phục vị và Sinh khí là một hướng bếp khá tốt.

*Kết luận: Tám hướng bếp trên đây đều thuộc chủ nhà mạng Kiền là Tây tứ trạch. Đại khái 4 Tây trù (Kiền Khôn Cấn Đoài) là những bếp tốt, còn 4 Đông trù (Khảm Ly Chấn Tốn) là những bếp bất lợi. Bởi Tây trù hiệp với Tây tứ trạch còn Đông trù khác phe, là phe nghịch.*



# HÔN PHỐI SỞ THUỘC

---

## CỦA CHỒNG MẠNG KIỀN

### LUẬN TUỔI VỢ CHỒNG

Những tuổi Khâm, Ly, Chấn, Tốn gọi là Đông tứ mạng nên cưới gả nhau. Còn những tuổi Khôn, Cấn, Kiền, Đoài gọi là Tây tứ mạng nên cưới gả nhau mới được nhiều con nhiều phước. Nếu tuổi Đông mạng cưới gả với tuổi Tây mạng phải gian khổ về con cái, không hòa thuận không phát phước.

Như chồng Khâm thuộc Đông mạng, cưới vợ Tốn cũng thuộc Đông mạng đăng Sanh khí. Được 5 đứa con hòa thuận, giúp chồng lập nên gia thất. Nếu chồng Khâm là Đông mạng cưới vợ Cấn thuộc Tây mạng, tất phạm Ngũ quý, tuy con đăng 2 đứa mà gia đạo không hòa, của tiền bị trộm.

Mạng chồng hợp mạng vợ được Sanh khí thuộc Tham lang, có 5 đứa con. Hợp Thiên y, thuộc cự môn, có 3 đứa con. Hợp với Diên niên, thuộc Võ khúc có 4 đứa con. Phạm Ngũ quý, thuộc Liêm trinh có 2 đứa con. Hiệp Qui hôn thuộc Bồ chúc được nhờ một gái thôi. Hiệp Du hôn, thuộc Văn khúc sau nhờ 1 đứa. Phạm Tuyệt mạng thuộc Lộc tồn không con, được thọ.

Hãy tường tận sự sanh khắc hưu tù hiệp tuổi chồng vợ. Đường đi vào nhà, Bếp núc đặt để đúng phương hướng, cũng

quyết được sự có hay không, nhiều hay ít, nuôi được hay không nữa. Ở chung một nhà có Ông bà, cha mẹ, chú bác, anh em, chị em và vợ chồng, nên phân phòng hợp trách. Em Đông mạng ở phía Đông. Anh Tây mạng ở phía Tây mới được phước thọ, bằng không hợp thì khó thoát bản yếu. Còn vợ chồng. Ví dụ: Chồng Tây mang nhà ở Tây tứ Trạch nhưng vợ Đông mạng phải làm sao?

Nếu Trụ Bắc phòng: (Phòng ở hướng Bắc). Chồng ở gian phía Tây, vợ ở gian giữa thuộc Khảm Đông Trạch hợp với vợ. Bằng Trụ Nam phòng; Chồng ở gian nhà phía Tây vợ ở Trung gian hoặc gian nhà phía Đông bởi Trung gian là căn giữa thuộc Ly và gian nhà phía Đông thuộc Tốn đều Đông Tứ Trạch hợp mạng vợ. Hoặc ở phòng phía Đông: Chồng ở gian nhà phía Bắc thuộc Cấn hợp mạng chồng, vợ ở Trung gian thuộc Chấn hoặc Nam gian thuộc Tốn đều hợp.

Hay là ở phòng phía Tây: Thì chồng ở Trung gian, vợ ở gian nhà phía Nam thuộc Ly, hoặc ở gian nhà phía Bắc thuộc Khảm. Đại để vợ chồng cung mạng chẳng đồng, cứ giữ mạng chồng làm chủ. Các cung khác cũng vậy.

## BÁT SAN TUYỆT MẠNG

Kiên với Ly

Đoài với Chấn

Khôn với Khảm

Cấn với Tốn



ÂM KHẮC DƯƠNG

## BÁT SAN NGŨ QUÝ

Kiền với Chấn

Tồn với Khôn

Khảm với Cấn

Đoài với Ly



DƯƠNG KHẮC DƯƠNG

ÂM KHẮC ÂM

## LỤC THÂN TƯỢNG HÌNH

Kiền với Khảm

Cấn với Chấn

Tồn với Đoài

Khôn với Ly

## BÁT SAN HOA HẠI

Kiền với Tồn

Khảm với Đoài

Cấn với Ly

Khôn với Chấn

Sau đây là bản lập thành, có lời bình giải rõ ràng, ai cũng có thể xem qua là hiểu, muốn biết người đó tuổi gì, thuộc cung gì trong 8 cung xem bài cung phi và bảng **BÁT TRẠCH TAM NGUYÊN** để biết rõ cung tuổi của chồng và vợ, qua cột 3 cung phi của chồng, cột 4 là cung phi của vợ.

Ngoài ra, ta có thể xem 1 trong 8 hình bát quái tùy theo bốn mạng của mình để đoán số vợ chồng bằng cách nhìn chính

giữa của bát quái đồ là cung phi của người chồng, chung quanh là 8 cung của vợ.

Dưới đây là bảng hôn phối cát, hung của vợ chồng sở thuộc mạng Kiền.

## KIỀN

CÁT	HUNG
KIỀN - KIỀN: CÁT	KIỀN - KHÂM: HUNG
KIỀN - CÂN:   ▪	KIỀN - CHẤN:   ▪
KIỀN - KHÔN:   ▪	KIỀN - TỐN:    ▪
KIỀN - ĐOÀI:   ▪	KIỀN - LY:       ▪

### 1. TRAI MẠNG KIỀN LẤY GÁI KIỀN

"Phục vùi"

*(Kiền vi Thiên)*

*Lưỡng Kiền phục vị tốt vừa thôi*

*Sợ lúc tuổi già chẳng đủ đôi*

*Con cháu trung bình không bạo phát*

*Ruộng vườn nhà cửa lập hai nơi*

### 2. TRAI MẠNG KIỀN LẤY GÁI KHÂM

"Lục sát"

*(Thiên thủy tụng)*

*Lưỡng thủy triều nguyên phúc đức sanh*

*Chăn nuôi lục súc nghiệp không thành*

*Dâu hiền rể tháo nên khoa cú*

*Thôn ấp ngợi khen lộc sẵn dành*

**3. TRAI MẠNG KIỀN LẤY GÁI CẦN**  
**"Thiên y"**

*(Thiên sơn độn)*

*Cung vi trường sanh được hợp hòa*

*Giàu sang nhờ cây có tay bà*

*Chứa nhiều phúc đức cho con cháu*

*Sung sướng cùng nhau đến tuổi già.*

**4. TRAI MẠNG KIỀN LẤY GÁI CHẦN**  
**"Ngũ quý"**

*(Thiên lô vô vọng)*

*Khẩu thiệt giao tranh có đấu tranh*

*Vợ chồng Ngũ quý họa tương sanh*

*Cửa nhà ruộng đất rồi tiêu sạch*

*Tử biệt phân ly khó tạo thành*

**5. TRAI MẠNG KIỀN LẤY GÁI TỒN**  
**"Họa hại"**

*(Thiên phong cầu)*

*Kiền, Tồn hai cung khắc rõ ràng*

Cường cầu kết hợp thể sao an  
Nếu không họa hại liên miên tới  
Cũng sẽ chia ly người một đảng

6. TRAI MẠNG KIỀN LẤY GÁI LY  
"Tuyệt mạng"

(Thiên hóa đồng nhân)

Kiền, Ly tuyệt mạng ở sau yên/  
Sanh nỏ nguy nan lắm lụy phiền  
Tử biệt sanh ly như đợi sẵn  
Khó nghèo đắc thọ, phú qui thiên

7. TRAI MẠNG KIỀN LẤY GÁI KHÔN  
"Diên niên"

(Thiên địa bí)

Thiên địa Kiền Khôn hiệp một nhà  
Vận hành sanh khí phát tam đa  
Nhiều tài nhiều lộc nhiều con cái  
Phát đạt giàu sang thẳng đến già

8. TRAI MẠNG KIỀN LẤY GÁI ĐOÀI  
"Sinh khí"

(Thiên Trạch Lý)

Vàng thoi vàng khối lại sanh vàng

*Phước lộc Diên niên tuổi thọ khang  
Con cháu nên danh hưng nghiệp tổ  
Kiền Đoài phối hợp chắc giàu sang*

## **BỔ SUNG CHO NGƯỜI TRAI CUNG KIỀN**

Đây nói về chồng tuổi mạng Kiền, vợ Đoài Sanh khí có 5 đứa con, song Kiền và Đoài đều thuộc Kim. Kim kiến Kim tương địch sanh sự kình chống không hòa.

Hoặc vợ Khôn được Diên niên 4 đứa con hóa lục, bởi Khôn thuộc Thổ sanh Kim, ứng có tới 6 đứa con. Vợ Cấn Thiên y 3 đứa con. Vợ Càn, Phục vì chỉ có 1 gái. Vợ Ly, phạm Tuyệt mạng, không con, lại ly Hỏa khắc Càn Kim, Càn vì phụ đáng sợ mạng chồng hơn. Vợ Khảm, phạm Lục sát, tương tranh con có 1 đứa. Vợ Chấn, phạm Ngũ quý, con đặng 2 đứa, lớn lên khó khiến lại, Kiền Kim, khắc Chấn Mộc, chồng hiếp vợ. Vợ Tốn phạm Họa hại, Tốn cũng thuộc Mộc bị khắc, thường bị chồng trách mắng, không con vợ chồng nhiều thọ (sống lâu). Các cung khác chọn vợ cũng luận bàn như vậy.

# **CON NỔI DÒNG**

## **CỦA CHỦ NHÀ THUỘC MẠNG KIỀN**

Bài con nổi dòng ở đây có ý nghĩa như cung tứ tức trong khoa tứ vi, chuyên lý giải về giòong giòi như số lượng con cái, trai nhiều hay gái nhiều, có con hay không con, nói khác đi là sự phong túc hay hiếm muộn.

Hạnh phúc giữa cha mẹ và con cái, và hạnh phúc chính bản thân của con cái chủ nhà.

Tương lai tổng quát của các con nói chung, (số phận, chết, cách chết, dễ nuôi, khó nuôi, tình trạng con đầu lòng). Muốn hiểu rõ các sự kiện trên đây khoa tứ vi cần phải hội đủ: Năm, tháng, ngày, giờ sanh, rất phiền phức vì có nhiều người trên đời này chưa chắc hội đủ các chỉ tiêu đó.

Đối với thuật Phong Thủy, chỉ cần biết mạng chủ nhà (cung phi) là có đủ cơ sở để xét đoán các tình huống như:

Hôn nhân của con cái, Nếp sống, Tật bệnh, Tai họa.

Dưới đây là bài nói về con nổi dòng của chủ nhà thuộc mạng:

Kiền mạng đông Ngũ quý, như Táo hướng với lai lộ phạm vào đó, thì khó nuôi được Trưởng tử, nếu phương Bắc là Lục sát, thì thương con thứ 2, vậy có 1 con. Phạm Tốn là Họa hại



### Chuyện Để Mạng Kiền

thì thương con Trưởng nữ, vậy trọn đời không con. Nếu đổi ra phương sinh khí, thì lại có 5 con có bài thi ca:

*Sinh khí phạm lang đáng Ngũ quý*

*Thiên y Cự môn, khí tuyệt mạng*

*Diên niên, Vũ khúc chế lục sát*

*Cứu tinh chế phụ tự an nhiên.*

Nếu phạm vào phương Ngũ quý, nên sửa đổi ra phương sinh khí, sẽ tiêu được họa, sửa ra phương sinh để tiết sự hung vậy. (Táo quái khắc ứng, phụ thêm các đồ ở sau)

## KIỀN MẠNG

(Rhục: Cấn, Khảm, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Kiền: lục thiên ngũ họa tuyệt diên sinh)

## HÔN NHÂN

Người Kiền mạng: muốn cầu hôn có thể, đổi ngay Táo khẩu hướng vào Diên niên ở phương Khôn, đặt giường nằm, ở bên phía giường của phụ mẫu là phương khôn, lại hợp cả phân phòng là Diên niên. Chỉ có nửa năm được vợ, lại là người gái phương Diên niên cũng là khôn.

## TỬ TỨC

Người Kiền mạng khó có con đổi Táo khẩu hướng vào Sinh khí ở cung Đoài, sau khi sanh được 5 con trai. Giả như di Táo khẩu hướng vào Diên niên ở khôn thì có 4 con trai, hướng vào phương Thiên y ở Cấn sẽ có 3 con. Táo khẩu cho người Kiền mạng, hướng cấn phương được 3 con sau đổi Táo khẩu triều

về hướng Đoài lại sinh được 5 con nữa, cộng là 8 trai. Tóm lại: Táo được sinh khí phương thì chuyên phát con cháu rất hiệu nghiệm. Vậy dùng la bàn nên cẩn thận, nếu Táo khẩu Dần hướng, dùng nhằm vào giáp thì phạm Ngũ quý, dụng sửa hướng nhằm vào Quý thì phạm Lục sát, người Kiền mạng phương tý là đại hung. Người Kiền mạng đi Tây Bắc Kiền phương, lai lộ táo khẩu hướng Kiền chỉ sinh gái không con trai, đó là lấy Phụ bất tinh không sinh vậy. Kiền mạng Táo khẩu phạm vào ly phương thì thương tổn con, hoặc không sanh con, tự bệnh yếu tử. Đó là tuyệt mạng hung tinh, chuyên chủ đề về bệnh chết non tuyệt tự. Đã từng thấy người Kiền mạng tạo nhà lớn ba gian ở phương Nam, năm sau con chết, cháu đau và sinh bệnh hoạn kiết lỵ, thoát gian mà chết! các người khách là Kiền mạng đi phương Nam chẳng sống trở về. Tóm lại là Kiền mạng nếu phạm vào Ly phương là tuyệt, làm Táo khẩu di cư lai lộ xuất hành, tu tạo, xuất giá v.v... là đại hung, có một cô gái Kiền mạng, đi lấy chồng ở vào phương sinh khí sinh được 5 con trai, sau đổi hướng bếp nấu ở phương đoài triều vào phương nam trước chết đứa con trai thứ 2, kế tiếp bệnh hoạn, viêm ê, sau 1 tháng chết, trong 3 năm con trưởng và 3,4,5 đều chết. Lại thấy cô gái là mạng Kiền, gả chồng về phương nam, tuy Táo khẩu hướng Đoài sinh 5 con trai, sau đều chết non. Đó là lấy sự phạm vào tuyệt mạng lai lộ.

Nên đối Táo khẩu hướng sinh khí đi thì không hại mà có con, lai lộ, phân phòng, tu phương cùng thấy hiệu nghiệm như nhau. Nên làm nhà, cửa bếp, giường lưng đều áp vào phương hung, hướng vào phương cát. Đây là tận thiện, tức là

hết thấy đều lành mạnh, nửa tháng sẽ thấy hiệu nghiệm, sinh khí ở đôi phương.

## TẬT BỊNH

Có một nam nhân mạng Kiền nhằm dùng hướng tảo khẩu Ly vật hướng kiền kim, là tâm hóa xỉ khắc phế kim, trước đau bụng, viêm hóa, sau lâm bệnh ho lao, suyễn, xuất huyết, phế hản, đầu thống, lão lậu, (mũi) chảy nước. Vậy dùng nấu ăn ở bếp cũ hướng Nam nữa, làm thêm một bếp mới nhỏ, cửa lò triều hướng Đông là phương Thiên y ở Cấn. Bếp lò lưng chấn áp vào phương bốn mạng của óc nội, là phương tuyết mạng ở ly cung để trừ hung ở ly quái. Nấu ăn được hơn 1 tháng mà bị bệnh thuyên, cũng đều trừ căn bệnh tật khác. Lấy lý: Thiên y là cát Thân chuyển chủ về trừ bệnh, có người mạng Kiền phạm vào lai lộ ở hai phương Chấn, Tốn, Tảo khẩu hoạn sanh bệnh đau gan, đau mắt, đau tay chân ma phong, sang độc, tê liệt các bệnh chứng.

Có người mạng kiền phạm hướng Ngũ quý, sinh ra bệnh hoạn thương hàn khước tật, cước sang, thận hư, đủ chứng. Có 1 người đàn bà mạng Kiền phạm Khảm phương là Lục sát phạm, sinh chứng xích bạch đới hạ, kinh kỳ đình trệ, nhiều thứ đẻ non. Nếu đem những lai lộ Tảo khẩu đó đổi ra phương Cấn là hướng Thiên y, tức là trừ tận gốc rễ của bệnh hoặc là hướng Khôn phương, Diên niên thì đa thọ, thịnh vượng.

## TAI HỌA

Người mạng Kiền phạm vào Tảo khẩu hướng Ly, tức có sự kiện cáo, khẩu thiệt, hỏa tai, con dâu thứ 2 ngã nghịch, hại vợ và con gái. Lại người mạng Kiền, Tảo và Đại môn đều triều

hướng Ly, thì vợ sinh loạn dâm. Táo khẩu, đổi làm hướng Đoài, Táo tòa và ống khói chấn áp đầu sau đại môn, là Bính, Ngọ, Đinh phương trừ Ly hung, về sau quá nhiên không dâm. Lại người mạng Kiển phạm Bắc phương lai lộ, táo hướng này có nhân mạng liên can với việc phong ba. Phạm chấn phương thì nô tì lấy trộm của trốn đi, rồi mất cướp, hóa tai, gồm cả tổn hại con trưởng.

Phạm vào phương Tốn, sẽ có người đàn bà ở hướng Đông Nam kiện cáo, tổn thương thân mẫu, vợ và trưởng nữ đều do tật bệnh, mà phát sinh, như vậy dùng phép giải trừ tự căn bệnh đó, sẽ đại cát.

## MỤC LỤC

- Biểu Tượng Vạn Vật Sở Thuộc Cung Kiến.	07
- Vạn Mạng Trọn Đời Của Chủ Nhà Mạng Kiến.	13
- Bát Quái Đồ Của Chủ Nhà Mạng Kiến.	18
- Phương Hướng Xây Nhà Của Người Mạng Kiến.	19
- Chọn Phương Hướng Trổ Cửa Của Chủ Nhà Mạng Kiến.	23
- Cửa Cái và chỗ Đặt Bếp Lò Của Chủ Nhà Mạng Kiến.	25
- Hôn Phối Sở Thuộc Của Chủ Nhà Mạng Kiến.	50
- Con Nối Dòng Của Chủ Nhà Mạng Kiến.	57

